TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÙ ĐĂNG** TỈNH BÌNH PHƯỚC	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 06/9/2019
V/v " Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Lưu Thùy Linh
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Mạnh Dũng
Ông Nguyễn Quang Liêu

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng: Không tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước; xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 224/HNGĐ-ST, ngày 29 tháng 5 năm 2019; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử 15/2019/QĐST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2019; giữa các đương sự:

1. N đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc L, sinh năm 1990 (có mặt)

2. Bị đơn: Anh Ngô Quang N, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Cùng trú tại: Thôn 3, xã T, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước .

TÓM TẮT NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 17/5/2019 quá trình thụ lý vụ án, N đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L trình bày: Chị và anh Ngô Quang N tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước, thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn; N nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng nhau về kinh tế, từ đó vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô sát lẫn nhau; anh N thường đi nhậu say xỉn về nhà có hành vi cãi vã với mẹ của chị, tình cảm vợ chồng không còn nên chị và anh Ngô Quang N đã sống ly thân từ tháng 10/2018 liên tục đến nay. Hiện nay, nhận thấy tình trạng hôn nhân không thể kéo dài, không thể khắc phục mâu thuẫn; mục đích hôn nhân không đạt được nên chị L yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Đăng giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Quang N.

Về con chung: Trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Ngô Nguyễn Khả A, sinh ngày 02/5/2009. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, qua bản tự khai của anh Ngô Quang N trình bày: Anh xác nhận sự việc về tình trạng hôn nhân và mâu thuẫn gia đình như chị L trình bày là đúng.

Về con chung: Anh đồng ý với nguyện vọng của chị L; đồng ý giao con chung cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: không có.

Các tài liệu, chứng cứ: N đơn nộp Giấy khai sinh; sổ hộ khẩu và chứng minh nhân dân; Giấy kết hôn (bản gốc). Phía bị đơn không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào lời khai của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Ngô Quang N tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn năm 2008, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước. Điều này phù hợp với bản gốc giấy chứng nhận kết hôn mà chị L giao nộp. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Ngọc L và anh Ngô Quang N là hợp pháp.

Về mâu thuẫn gia đình: Qua lời khai của chị L và anh N đều khẳng định vợ chồng anh, chị có phát sinh mâu thuẫn, N nhân do bất đồng quan điểm sống, có hành vi cãi vã, xô sát lẫn nhau, không có sự tin tưởng nhau, sống ly thân, không còn sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau. Như vậy, mâu thuẫn gia đình chị L và anh N là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận yêu cầu được ly hôn của chị L.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống có 01 con chung là cháu Ngô Nguyễn Khả A, sinh ngày 02/5/2009. Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Không yêu cầu anh N cấp dưỡng. Anh N tại bản tự khai ngày 18/7/2019 cũng đồng ý với nguyện vọng của chị L. Lời khai của cháu A cũng có nguyện vọng được chung sống với mẹ. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị L và anh N. Giao cháu Ngô Nguyễn Khả A, sinh ngày 02/5/2009 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[4] Về án phí: Theo quy định tại khoản 2, khoản 4 Điều 131 của Bộ luật tố tụng dân sự buộc N đơn chị L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo luật định.

[5] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 266 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vàoNghị quyết số 326/ 2016/ UBTVQH16 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án ngày 30/12/2016.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của N đơn; Chị Nguyễn Thị Ngọc L được ly hôn với anh Ngô Quang N.

[2] Về con chung: Giao cháu Ngô Nguyễn Khả A, sinh ngày 02/5/2009 cho chị Nguyễn Thị Ngọc L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục; không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha mẹ không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom, cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Các bên có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: không có.

[4] Về án phí: N đơn chị Nguyễn Thị Ngọc L phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị L đã nộp trước là 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0009436, ngày 29/5/2019.

[5] Quyền kháng cáo: N đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15, ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Bù Đăng;
- Chi cục THADS huyện Bù Đăng;
- Các đương sự, UB xã T;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thùy Linh